

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/DS-ST

Ngày: 26 - 6 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG,
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;
2. Ông Lê Xuân Hiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1941; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Nhật Q, sinh năm 1995; ngụ tại: Ấp C, xã E, huyện D, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng ủy quyền số 09, quyền số 01/2024 TP-/CC-SCC/HĐGD ngày 02/01/2024 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh Vân, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Mai Bá T1, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng*: Ông Trần Gia L, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã I, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (ông Q) có mặt tại phiên tòa. Bị đơn (ông T1) vắng mặt không có lý do. Người làm chứng (ông L) có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (ông Q) trình bày:

Bà T và ông T1 có quan hệ là bà cháu của nhau. Vào ngày 12/10/2022, bà T có cho ông Mai Bá T1 mượn số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Việc mượn tiền giữa bà T và ông T1 có làm giấy mượn tiền ngày 12/10/2022, nội dung giấy mượn tiền do ông Mai Bá T1 tự viết, rồi ký hẹn khi nào bà T cần thì báo trước một tháng cho ông T1 biết, ông T1 sẽ có trách nhiệm trả lại. Hiện nay do tuổi cao, bà T bị bệnh mà không có tiền mua thuốc để chữa bệnh nên bà T đã nhiều lần yêu cầu ông T1 trả lại số tiền đã mượn nhưng ông T1 chỉ hứa hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T. Việc ông T1 không thực hiện trả nợ cho bà T đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T.

Vì vậy, bà T làm đơn yêu cầu ông Mai Bá T1 có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 12/10/2022.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn (ông T1):*

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để ông T1 tham gia giải quyết vụ án nhưng ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh chính quyền địa phương đã xác định ông T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp F, xã G, huyện D, tỉnh Bình Dương gia đình bị đơn gồm có cha, mẹ và em trai vẫn còn ở địa phương, Tòa án tới tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng gia đình bị đơn không đồng ý nhận thay.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2024, người làm chứng (ông L) trình bày:*

Ông L là cháu nội của bà T, là anh vợ của ông T1. Vào tháng 10/2022, ông T1 nói xây nhà bị thiếu tiền, ông L biết bà nội của mình có tiền nên ông L nói bà T cho ông T1 mượn tiền. Vì vậy, bà T cho ông T1 mượn 500.000.000

đồng (năm trăm triệu đồng), việc ông T1 mượn tiền có làm giấy mượn tiền ngày 12/10/2022. Giấy mượn tiền ngày 12/10/2022 có nội dung là “bà T cho ông T1 mượn số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Tiền lãi mỗi tháng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Khi nào bà Trần Thị T cần lấy lại tiền thì báo trước 01 tháng, ông T1 phải trả đủ số tiền”. Nội dung giấy mượn tiền ngày 12/10/2022 là do ông L tự tay viết, ông T1 có ký và ghi rõ họ tên bên B, là bên người mượn tiền. Ông T1 chỉ trả được cho bà T khoảng 3- 4 tháng tiền lãi rồi ngừng luôn, bà T yêu cầu ông T1 trả tiền từ đầu năm 2023 đến nay nhưng gọi ông T1 không nghe máy, trốn tránh không gặp. Do ông L là anh rể của ông T1, ông L tin tưởng ông T1 nên mới nói bà T cho ông T1 mượn tiền, bà T tin tưởng ông L nên mới nghe lời ông L cho ông T1 mượn tiền. Do vậy, khi cần lấy lại tiền, bà T đã yêu cầu ông L đi hỏi nợ cho bà T, ông L có gặp ông T1 thì ông T1 không thanh toán, còn kiếm chuyện chửi bới ông L. Ông T1 hiện đang ở nhà anh trai của ông T1, hiện nay ông T1 đã ly hôn vợ, còn hai con của ông T1 thì giao cho cha mẹ ông T1 là ông Mai Bá Phong, sinh năm 1961 và bà Mai Thị Thu, sinh năm 1961, cùng địa chỉ: Ấp F, xã G nuôi dưỡng. Bà T nay đã già yếu cần tiền chữa bệnh. Việc ông T1 mượn tiền của bà T có làm giấy nợ, ông T1 đã ký và cam kết trả thì nay bà T khởi kiện thì ông T1 nên trả nợ cho bà T.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 về tư cách tham gia tố tụng; các Điều từ 93 đến 97 về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đúng thành phần. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung vụ án: Ngày 23/01/2024, nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T1 trả số tiền 500.000.000 đồng mà ông T1 vay của bà T. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (*hợp đồng vay tài sản*). Tòa án xác định đúng mối quan hệ pháp luật. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ, nhận thấy: Nguyên đơn cung cấp “Giấy mượn tiền” viết tay đề ngày 12/10/2023, nội dung: ông T1 vay của bà T 500.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng 10.000.000 đồng, không có kỳ hạn trả nợ, khi nào bà T cần tiền thì báo trước cho ông T1 01 tháng, ông T1 sẽ trả đủ số tiền cho bà T. Bà T cho rằng đã nhiều lần yêu cầu ông T1 trả tiền nhưng ông T1 không trả nên bà T làm đơn khởi kiện. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn thường xuyên vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành

niêm yết công khai theo quy định. Bị đơn ông T1 không có lời khai thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền nhưng Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, toà án thu thập và quy định của pháp luật tại các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, buộc bị đơn ông T1 trả cho nguyên đơn bà T số tiền 500.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), đây là tranh chấp dân sự (tranh chấp về hợp đồng vay tài sản), theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông T1 có hộ khẩu thường trú tại ấp F, xã G, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Về thủ tục tổng đạt, niêm yết: Do bị đơn ông T1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về pháp luật áp dụng: Các bên đương sự thực hiện giao dịch hợp đồng vay tài sản năm 2022 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét chứng cứ là bản chính Giấy mượn tiền ngày 12/10/2022 do bà T cung cấp, có nội dung: Vào ngày 12/10/2022, bà T cho ông T1 mượn số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Tiền lãi mỗi tháng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Khi nào bà Trần Thị T cần lấy lại tiền thì báo trước 01 tháng, ông T1 phải trả đủ số tiền. Bị đơn ông T1 không có lời khai thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền, Tòa án đã tiến hành niêm yết đơn khởi kiện, giấy mượn

tiền ngày 12/10/2022 và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2024, người làm chứng ông Trần Gia L đã khẳng định ông T1 có mượn tiền của bà T, nội dung giấy mượn tiền ngày 12/10/2022 do ông Trần Gia L viết tay, ông T1 có ký và ghi rõ họ tên bên B, là bên người mượn tiền. Như vậy, giữa các bên đương sự đã thực hiện giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự 2015, đây là giao dịch dân sự không vi phạm quy định tại Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự 2015 nên có hiệu lực.

Trong nội dung giấy mượn tiền ngày 12/10/2022, các bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán, như vậy các bên đã ký kết hợp đồng vay không kỳ hạn theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Người làm chứng ông L xác định trước khi khởi kiện, từ đầu năm 2023 đến nay bà T có nhiều lần yêu cầu ông T1 trả nợ nhưng ông T1 không thực hiện. Mặt khác, Tòa án đã niêm yết các văn bản để báo cho ông T1 biết bà T đã khởi kiện yêu cầu ông T1 trả nợ và được Tòa án thụ lý giải quyết từ ngày 28/02/2024 đến nay nhưng ông T1 không có ý kiến. Như vậy, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nội dung giấy mượn tiền ngày 12/10/2022 có ghi tiền lãi mỗi tháng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nhưng quá trình giải quyết vụ án, bà T không yêu cầu tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 28, 39, 42, 147, 177, 227, 228, 229, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 116, 117, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Trần Thị T đối với ông Mai Bá T1.

1. Về nghĩa vụ thanh toán:

Buộc ông Mai Bá T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị T số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 và Điều 12, 14, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Ông Mai Bá T1 phải nộp 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/6/2024).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được công bố, niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Nguyễn Minh Sơn